

LUẬT TỤC TÂY NGUYÊN - GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHÁP LÝ, QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI PHÁP LUẬT

Hoàng Thị Kim Quế

1. Vận dụng, nghiên cứu, khảo sát tập quán, luật tục, hương ước là việc làm hợp hiến, hợp pháp, hợp đạo lý, cách thức quản lý cộng đồng truyền thống của các dân tộc Việt Nam

Pháp luật Việt Nam đã quy định các tiền đề cho việc áp dụng và phát huy những mặt tích cực của tập quán, phong tục, truyền thống, trong đó có luật tục, hương ước. Bộ luật dân sự quy định nguyên tắc cho phép áp dụng tập quán địa phương trong các quan hệ dân sự trên nguyên tắc tôn trọng, tuân thủ pháp luật nhà nước và đạo đức xã hội. Đường lối của Đảng đã khẳng định: xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở cơ sở, nâng cao các hình thức làm chủ của nhân dân, các hình thức tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với pháp luật của nhà nước [1, tr.44,127]. Việc nghiên cứu, khảo sát luật tục, hương ước, áp dụng luật tục, hương ước do vậy là việc làm hợp hiến, hợp pháp, hợp đạo lý truyền thống, cách thức quản lý cộng đồng truyền thống của các dân tộc Việt Nam. Nhìn rộng ra, bên cạnh luật của Nhà nước, sự tồn tại của các loại quy tắc xã hội - các loại "luật" khác cũng có ở khắp mọi quốc gia, dân tộc. Vấn đề là quan điểm, cách thức giải quyết mối quan hệ giữa các loại luật này sao cho phù hợp với lợi ích chính đáng của cá nhân, cộng đồng và lợi ích quốc gia - dân tộc.

2. Luật tục - khái niệm và mối quan hệ với tập quán

Luật theo nghĩa rộng nhất là những quan hệ tất yếu trong bản chất của sự vật - mọi sự vật đều có luật [2; tr.31]. Thuật ngữ "Luật" xét theo nghĩa phổ quát như chúng ta đã biết thực chất là những quy tắc (quy phạm), theo đó, có rất nhiều loại

luật khác nhau trong cuộc sống: luật văn phạm, luật thơ, ca, luật chơi các trò chơi thể thao, luật chiến tranh, luật tập quán; luật kinh doanh; luật "đời" ; luật tôn giáo; luật của các cộng đồng dân cư xây dựng nên, luật do nhà nước đặt ra v.v... Luật tục thuộc phạm trù tập quán. Theo các quan điểm phổ biến hiện nay, luật tục được hiểu là những tập quán, phong tục tồn tại dưới dạng truyền khẩu và thành văn, là hệ thống những quy tắc xử sự điều chỉnh mọi mặt của đời sống cộng đồng. Điều khác biệt giữa luật tục với những tập quán, phong tục bình thường là luật tục không phải là tổng hợp mọi phong tục, tập quán mà chỉ bao gồm những phong tục, tập quán, quy lệ tác động đến những hành vi cá nhân trong cộng đồng hay giữa các cộng đồng với nhau như là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc, gắn với những hình thức xử phạt và khen thưởng.

Luật tục vừa chứa đựng các quy định - các điều khoản về luật nội dung và luật tố tụng - luật hình thức nói theo ngôn ngữ pháp lý hiện đại. Đây là một giá trị văn hoá - pháp lý rất to lớn và quý báu của luật tục mà chúng ta chưa khai thác đầy đủ. Trong luật tục Tây Nguyên - ÊĐê và M'Nông có nhiều điều trực tiếp nói về tập quán, phong tục và các hình thức xử lý các vi phạm tập quán [3; tr.26]. Trong quá trình tuyển chọn (kể cả mặt thời gian) một số tập quán được coi là cần thiết cho cộng đồng, ai cũng phải tuân theo nên nó trở thành luật tục. Luật tục chính là những hành động những khuôn mẫu ứng xử đã tuân theo chuẩn mực về luân lý, chính trị và thẩm mỹ của một cộng đồng. Đặc biệt luật tục có tính cưỡng chế cao, nó quy định rõ những điều được phép làm và những điều ngăn cấm.

Luật tục và tập quán là những khuôn mẫu ứng xử được đặt ra trong một cộng đồng. Luật tục và tập quán có những điểm giống nhau nhưng cũng có điểm khác nhau. Tập quán và luật tục được hình thành từ những thói quen, khuôn mẫu ứng xử được mọi người tuân theo. Tập quán có biên độ rộng nhưng luật tục thường có biên độ hẹp, quy định rõ những điều cụ thể. Tập quán được mọi người tự giác tuân theo, theo dư luận điều chỉnh, còn luật tục có tính cưỡng chế cao, gây áp lực bắt buộc mọi cá nhân tuân theo. Luật tục thường bắt nguồn từ tập quán. Trong quá trình tuyển chọn một số tập quán có tính hướng đích cao, đáp ứng những nhu cầu cần thiết cho lợi ích của một cộng đồng sẽ trở thành luật tục. Ví dụ, khi vào rừng thấy tổ ong, người phát hiện đầu tiên sẽ đánh dấu, về sau luật tục có những quy định: không ai được lấy trong một thời gian bao lâu....

3. Luật tục - từ hình thức thể hiện đến nội dung cơ bản, phạm vi điều chỉnh - những nét đặc trưng tiêu biểu

Hình thức thể hiện của Luật tục phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, văn hoá của các dân tộc ÊĐê và M'Nông, với tư duy, trình độ nhận thức và cuộc sống của người dân hai dân tộc ÊĐê và M'Nông [3, tr.18 - 25]. Ngôn ngữ của Luật tục là loại văn vần, đó là hình thức chuyển tiếp giữa khẩu vị hàng ngày với ngôn ngữ thơ ca. Các điều luật được thể hiện bằng những lời nói có vần điệu, như những bài hát, trường ca, truyện kể khan... Lời nói vần “Duê K đi” là những lời nói có vần, có điệu, được nói có hình ảnh ví von, bóng gió, tựa như ca dao, tục ngữ [3, tr.34-36]. Hình thức thể hiện của luật tục đã làm cho người ta dễ nhớ, dễ lưu truyền để làm theo. Trong các điều của Luật tục ÊĐê và M'Nông, thường nêu các dấu hiệu của hành vi vi phạm, áp dụng lối ví von hình ảnh hành vi vi phạm với những hành vi, sự vật, hiện tượng khác.

Luật tục là một công trình *lập tục* tập thể của cả cộng đồng và được chọn lọc, lưu

truyền qua nhiều thế hệ. Mỗi một điều luật thường sử dụng cách thể hiện "quy tắc xử sự" theo công thức phổ quát như sau: ***Nêu sự kiện, hành vi - dẫn giải tác hại của hành vi vi phạm (hoặc không vi phạm) - yêu cầu xử lý chung hoặc chế tài cụ thể***. Các hành vi vi phạm thường được nêu cụ thể, chi tiết. Thậm xưng là cách so sánh được dùng rất phổ biến trong toàn bộ luật tục, bởi đây là cách diễn đạt gần gũi nhất với người dân, phù hợp với trình độ tư duy, nhận thức của họ. Ví dụ, Điều 20 Luật tục ÊĐê về tội lừa đảo: "Hắn biến cây đa thành mủ cây sung, biến voi cái thành voi đực, biến người này thành người kia; hắn vốn là kẻ lười biếng, chời không làm, rầy không phát... Vì vậy có việc phải đưa hắn ra xét xử". Phần nêu yêu cầu xử lý thường nêu chế tài đối với người vi phạm, song cũng có nhiều điều luật không nêu chế tài cụ thể, mà có khi chỉ nhắc nhở, răn đe để con người tránh không để xảy ra các vi phạm, hoặc chỉ nêu cách xử sự phù hợp tập quán, đạo đức cộng đồng.

Luật tục phản ánh ý chí chung của mọi thành viên trong xã hội, là hệ thống các quy phạm trên cơ sở quan niệm đạo đức xã hội. Tinh thần của luật tục là đưa ra quy phạm để giải quyết có lý có tình những mâu thuẫn, để răn đe giáo dục. Luật tục hướng thiện cho con người, đã làm người thì phải thật thà, không gian dối, không làm điều ác, mang tính khuyên răn như: "Con nai chớ có húc nhau. Con hổ chớ có cắn nhau. Con người chớ có đánh nhau" (Luật tục M'Nông). Luật tục ÊĐê được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của dư luận cộng đồng, bằng chính sự tự giác của mỗi cá nhân, có khi như một thói quen. Dư luận cộng đồng là lực lượng hướng dẫn và cưỡng chế các thành viên ứng xử theo đúng chuẩn mực của quy ước và tập quán pháp. Dư luận cộng đồng góp phần cổ vũ, khích lệ các thành viên chấp hành các quy ước, làm tốt các điều phải làm, có tác dụng răn đe, ngăn ngừa những người có hành động

vi phạm quy ước, tập quán pháp. Mặt khác, tín ngưỡng thần linh cũng chi phối ý thức tuân thủ luật tục của người ÊĐê và M'Nông. Các vi phạm phong tục sẽ làm xúc phạm đến các vị thần và họ sẽ không che chở bảo vệ cho người dân. Vì vậy việc xử công minh, ý thức coi trọng luật tục còn do yếu tố thần linh trong đời sống chi phối buộc họ tự giác thực hiện. *Cơ chế thần linh chính là một sức mạnh hỗ trợ cho cơ chế cộng đồng dựa trên nền tảng luật tục được duy trì và tôn trọng trong cộng đồng.*

Luật tục có phạm vi điều chỉnh rộng, bao quát toàn bộ các lĩnh vực quan hệ xã hội. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm của những quan hệ xã hội được điều chỉnh, có thể phân thành những nhóm cơ bản sau đây: lĩnh vực tổ chức và quản lý cộng đồng; lĩnh vực ổn định trật tự an ninh và đảm bảo lợi ích cộng đồng; lĩnh vực tôn trọng, tuân thủ, bảo vệ phong tục, tập quán; lĩnh vực quan hệ dân sự; hôn nhân và gia đình; lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai; bảo vệ sản xuất, môi trường; lĩnh vực duy trì và giáo dục nếp sống văn hoá tín ngưỡng.

Các quy định trong lĩnh vực tổ chức và quản lý cộng đồng điều chỉnh về mối quan hệ giữa người đầu làng, trưởng buôn và các thành viên buôn làng. Quyền và nghĩa vụ được đặt ra đối với các hai loại chủ thể này. Người đứng đầu buôn được hưởng quy chế bất khả xâm phạm về danh dự, thân thể, có nghĩa vụ: chăm lo lợi ích cho dân làng, bảo đảm quyền lợi cho họ, không được lộng hành, tùy tiện lạm quyền. Luật tục quy định rất cụ thể những tội phạm do người chủ buôn thực hiện, bao gồm: tội giấu người, tội che giấu các vụ việc trong làng; tội chiếm của dân làng; tội không chăm lo chu đáo dân làng; tội bắt bớ giam cầm oan sai v.v... Về cơ bản, các quy định này còn phù hợp với các quan hệ cộng đồng và xử lý các mối quan hệ cộng đồng hiện nay[3, tr.27].

Luật tục ÊĐê và M'Nông không đưa ra khái niệm hành vi vi phạm, khái niệm "tội

phạm", mà thông qua việc mô tả hành vi vi phạm trong điều luật cụ thể để kết luận một người bị coi là có tội và phải đưa ra xét xử, khi các hành vi do người đó thực hiện thoả mãn những yếu tố của vi phạm đã được điều luật dự liệu trước. Khái niệm về tội có hầu hết trong các điều luật. Khái niệm này không đồng nghĩa với khái niệm "tội phạm" mà chỉ là sự xác định một hành vi là hợp hay trái luật lệ, đạo đức. Theo quan điểm của luật học, tội phạm chỉ xuất hiện và tồn tại trong xã hội có phân chia giai cấp. Trong xã hội cộng sản nguyên thủy nó được xem là hiện tượng vi phạm, tiêu cực và được giải quyết bằng ý kiến tập thể với những người có liên quan. Điều đáng ghi nhận là, trong các yếu tố cấu thành vi phạm luật tục - cấu thành "tội phạm" (nói theo ngôn ngữ phổ thông), dấu hiệu lỗi cố ý có mặt ở tất cả các điều luật về vi phạm luật tục. Bởi vì, theo quan niệm của người ÊĐê và M'Nông, một hành vi có hại cho lợi ích cộng đồng, bị coi là vi phạm luật tục phải là hành vi được thực hiện một cách cố ý, chủ tâm của chủ thể vi phạm. Luật tục có những quy định rất tiến bộ, thể hiện tính công bằng trong việc quy trách nhiệm bị xử phạt vi phạm, không có sự phân biệt giữa những người họ hàng ruột thịt: "Chuyện nhỏ thì xử nhẹ, chuyện lớn thì xử nặng. Nếu là chuyện giữa anh em bà con thì cũng xử như vậy..."

Nhóm quan hệ hôn nhân và gia đình chiếm vị trí cơ bản trong Luật tục dân tộc ÊĐê và M'Nông - Tây Nguyên. Nét nổi bật trong nguyên tắc hôn nhân của người ÊĐê mà luật tục bảo vệ nghiêm ngặt là tục nối nôi. Luật tục quy định vợ chồng không nên ngăn cản công việc của nhau, nếu người chồng lờ biếng không chăm sóc vợ con thì luật tục cho phép người vợ được đi lấy chồng khác. Đối với những người chồng vũ phu, đánh vợ thương tích thì phải khuyên bảo, chớ nên căng thẳng được thua mà phải hoà giải để thương yêu như cũ. Kể xúi giục để vợ chồng người ta xung khắc phải

chuộc lỗi, đền tội. Cha mẹ, con cái phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi nấng, nếu làm trái với đạo lý ấy, Luật tục M'Nông đều khép vào tội. Trong Luật tục cũng có nhiều quy định hạn chế, cũng có “cái ác”, theo lời cán bộ lãnh đạo địa phương, chẳng hạn trong việc xử tội quan hệ bất chính. Theo đó, nếu người phụ nữ đã khai, thì dù có hay không, người đàn ông cũng bị quy tội là đã có quan hệ bất chính với chị ta. Luật tục có câu: “Phụ nữ ngã là trai chết”, phụ nữ khai người đàn ông có tội là anh ta phải chịu tội, mặc dù sự thật là không có. Rồi sau đó, người đàn ông đó nếu có vợ thì sẽ bị vợ phạt, tức anh ta sẽ bị phạt hai lần.

Về lĩnh vực dân sự. Xuất phát từ phương thức sản xuất tiền giai cấp, chế độ mẫu hệ và tín ngưỡng vạn vật hữu linh là ba đặc thù xuyên suốt, chi phối, quy định quan hệ xã hội nói chung và quan hệ dân sự nói riêng. Các quan hệ nhiều lúc phải qua một cơ chế trung gian là thần linh. Ngay cả việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả thiệt hại xảy ra ở đây không phải là mối quan hệ duy vật trực tiếp giữa hành vi và hậu quả mà nhiều lúc thông qua một yếu tố trung gian là thần linh. Hành vi trái tục lệ đó làm cho thần linh nổi giận; dẫn đến thần linh giáng tai họa đến cho bên bị thiệt hại. Luật tục qui định nghĩa vụ loan báo cho người khác biết khi bắt được của cải và sau 3 năm mà không có người đến nhận thì tài sản thuộc sở hữu người bắt được, việc cố tình giấu giếm tài sản bắt được ngoài việc trả lại còn phải đền thêm “hai cái nữa”.

Do duy trì truyền thống gia đình mẫu hệ nên đây là quan hệ dân sự về thừa kế rất được quan tâm. Luật tục ÊĐê thừa nhận việc thừa kế theo di chúc. Nội dung thừa kế được luật tục đề cập đến như sau: việc thừa kế phải theo dòng mẹ. Người quản lý di sản là người trưởng nữ của dòng họ, gia đình. Tài sản tổ tiên để lại cho cả dòng họ thừa kế và không được bán, đổi và

chỉ có người nữ gia trưởng này mới có quyền quản lý. Người được thừa kế là con cái nhưng phải là người con có hiếu, có chăm sóc cha mẹ. Con nuôi được hưởng thừa kế của cha mẹ nuôi nếu hiếu thảo với cha mẹ nuôi.

Có sự khác biệt khá lớn giữa luật dân sự và luật tục về nguyên tắc chịu trách nhiệm. Trong Luật tục thì nhiều trường hợp theo nguyên tắc mất một đền ba, ngoài cái đã mất phải đền thêm một cái trước một cái sau. Ví dụ Điều 210 Luật tục “Nếu hấn đã ăn trộm một con vật và sau đó ăn thịt hoặc đem bán thì ngoài trả giá con vật hấn phải đền thêm 2 con nữa một con trước một con sau”. Luật tục tuy không có khái niệm thế nào là giao dịch dân sự nhưng từ hợp đồng cho đến hành vi pháp lý đơn phương đều được Luật tục đề cập đến. Luật tục qui định việc mua tài sản của trẻ vị thành niên thì việc mua bán coi như vô hiệu do vi phạm điều kiện thứ nhất, lừa dối khi mua bán tức sự tự nguyện của bên kia là sai lầm do hành vi cố ý lừa dối của một bên sẽ bị xét xử. Khi đã cam kết đã hứa thì phải thực hiện nếu vi phạm cam kết thì sẽ bị xử phạt. Luật tục theo đó cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do trẻ con, người diên gây ra do họ đã không giáo dục, quản lý tốt những người này.

Quan niệm về quyền sở hữu đất của người ÊĐê. Đất đai thuộc sở hữu chung hay riêng đều không thể tùy tiện sử dụng mà phải theo các tập tục nhất định. Quyền sở hữu đất đai của mỗi gia đình được hiểu gồm: quyền chiếm hữu, quyền định đoạt và quyền sử dụng. Quyền chiếm hữu thuộc về cả gia đình mẫu hệ. Quyền định đoạt thuộc về Pôlăn và quyền sử dụng thuộc về các thành viên, gia đình của gia đình mẫu hệ đó^(*). Xuất phát từ mục đích phát triển sản

(*) Trong xã hội ÊĐê cổ, khi thiếu đất người ngoài buôn có thể xin đất nhưng phải được chủ đất đồng ý và dân làng nhất trí mới được chủ đất sản xuất. Được mùa chỉ cần biếu vài gụ lúa, mất mùa thì thôi. Thời kỳ phân chia hai miền, xuất hiện chiếm hữu và mua bán ruộng đất

xuất, luật tục ÊĐê còn định ra nhiều điều luật nhằm yêu cầu người dân ÊĐê phải có ý thức bảo vệ sản xuất, bảo vệ môi trường chung bên cạnh việc bảo vệ đất đai.

4. Hiệu lực thực tế của Luật tục và sự tác động qua lại giữa luật tục và pháp luật trong cuộc sống đồng bào các dân tộc Tây Nguyên hiện nay

Cuộc sống với những quy luật đã hoà thân vào các triết lý sống, lối sống, cách sống của con người vẫn tìm cho mình lý do, cơ sở cho sự tồn tại, dấu rằng thời thế đã có nhiều biến đổi mạnh mẽ. Luật tục vẫn còn phát huy hiệu lực thực tế nội sinh của mình trong một môi trường xã hội mới. Đó là điều hợp quy luật, bởi trong luật tục có rất nhiều quy định tích cực, phù hợp với cuộc sống của người dân và quan trọng hơn là đảm bảo được sự đoàn kết, tương thân, tương ái, xử lý các vấn đề thường nhật có lý, có tình, thưởng phạt nghiêm minh, hướng thiện và loại trừ cái ác... Suy rộng ra, không riêng gì đối với Luật tục mà còn đối với các quy tắc xã hội khác. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra cần cách giải quyết đối với những quy định lạc hậu, phản tiến bộ của Luật tục, xử lý những tính hướng có mâu thuẫn giữa pháp luật và luật tục...

Luật tục là Bộ tổng luật, một di sản văn hoá - pháp lý quý báu có vai trò và hiệu lực thực tế to lớn trong đời sống các dân tộc Tây Nguyên hiện nay. Luật tục là nguồn là tri thức dân gian quý giá về quản lý cộng đồng một vấn đề lớn có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và mở mang của bất cứ dân tộc nào. Từng điều luật - từng quy tắc ứng xử của Luật tục là một quy tắc hành vi tổng hợp các tri thức cuộc sống, các tri thức ấy đều được định hình và nêu thành các nguyên tắc nhằm giáo dục, răn đe mọi người, ngăn chặn những hành vi làm thương tổn đến lợi ích của người khác và của cộng đồng, hướng con người tới các

điều thiện. Luật tục bao quát - phủ sóng tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống dân tộc, từ sản xuất, tổ chức xã hội và quan hệ cộng đồng, gia đình và quan hệ gia đình, quan hệ nam nữ, về lễ nghi phong tục...

Còn nhiều quy định của Luật tục mang tính lạc hậu, phản tiến bộ. Luật tục đã duy trì một số quan niệm tín ngưỡng lạc hậu về thần linh (sự trừng phạt của Yang), tập tục hôn nhân (nổi nôi), hình thức xử phạt (bỏ đói trong rừng, lấy một đèn ba, trả giá đèn mạng, thử...). Nhưng Luật tục ÊĐê còn cho thấy rất nhiều quy định tích cực, có giá trị to lớn. Hiện nay trong đời sống của đồng bào ta ở các buôn làng luật tục vẫn còn hiệu lực và tồn tại song song với pháp luật nhà nước. Hầu hết những tranh chấp, mâu thuẫn nhỏ trong nội bộ nhân dân, các vi phạm nhỏ đều vẫn được giải quyết trong phạm vi các buôn làng và theo luật tục. Chỉ trong trường hợp buôn làng không giải quyết được, đương sự không đồng ý hoặc do có ý thức pháp luật tốt hơn thì mới chuyển lên Toà án giải quyết. Điều này càng thể hiện tính bền vững của luật tục ngay cả trong giai đoạn hiện nay. Chính nhờ vậy mà ở những vùng sâu, vùng xa, tình hình trật tự an toàn xã hội về cơ bản vẫn được đảm bảo, ít có những vụ việc vi phạm pháp luật xảy ra.

Nhìn chung trong các quan hệ dân sự, luật tục vẫn được áp dụng, tuy phạm vi áp dụng có phần nào bị thu hẹp lại, song những vấn đề cơ bản có liên quan trực tiếp đến đời sống của đồng bào thì vẫn được áp dụng tích cực. Trong quan hệ hôn nhân và gia đình, sự hiện diện và hiệu lực thực tế của luật tục lại càng mạnh mẽ hơn. Nhiều vụ ly hôn vẫn được giải quyết theo luật tục. Khi đoàn khảo sát chúng tôi đến thăm và phỏng vấn già làng buôn Chur đăng, xã Chur đăng, huyện Chư ngà, nơi có đông người ÊĐê sinh sống, già làng này khẳng định: luật tục vẫn còn được lưu giữ, nhất là

hoặc phát canh thu tô (tập trung vào tù trưởng cũ hoặc nhân sĩ làm việc có chức quyền trong chế độ cũ).

trong việc hoà giải giữa bên bị và bên nguyên. Theo lời kể của một phụ nữ người ÊĐê, chị Ami Hloan ở buôn Junh, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắc, hiện là hướng dẫn viên du lịch ở Hồ Lắc thì tuy quy định về xử phạt của luật tục là rất nghiêm, rất nặng: "mất một đên ba", nhưng trong thực tiễn xét xử theo luật tục, thì cũng có khi Tổ hoà cho miễn, giảm nhẹ đi nếu như đương sự có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Thay vì việc bắt phải nộp phạt bằng tiền hay hiện vật, kẻ phải nộp phạt nếu không có tiền nộp phạt thì chỉ bị dân làng chửi mắng chứ không bị đuổi ra khỏi làng như trước đây nữa.

Hoạt động hoà giải tại buôn làng có vai trò vô cùng to lớn trong việc áp dụng những quy định tích cực của luật tục. Các nguồn viện dẫn cơ bản trong hoà giải trên thực tế vẫn là luật tục. Cán bộ hoà giải đã lồng ghép các quy định của pháp luật vào về những vụ việc cần hoà giải. Các chế tài luật tục bây giờ vẫn được áp dụng: bồi thường hiện vật... nhưng đã bắt đầu mềm dẻo hơn, nhẹ hơn, có tính đến hoàn cảnh kinh tế, gia cảnh, sức khoẻ của các bên. Cơ chế uy tín - tự nguyện vẫn được duy trì trong điều kiện quan hệ xã hội đã có nhiều thay đổi. Tâm lý bà con là vừa tôn trọng luật pháp, vừa tôn trọng Luật tục. Người dân thường nói: đưa ra Nhà nước thủ tục còn phức tạp, mất thời gian đi theo hầu kiện, có khi còn bị các cán bộ Nhà nước những nhiều, thậm chí đòi ăn tiền. Tổ hoà giải rất có uy tín, vì họ xử có tình có lý, hợp lòng người, vận dụng luật tục, lời nói có văn, dẫn dắt, luật tục thể hiện ý chí cộng đồng, dễ được dân làng tuân thủ tự nguyện. Do vậy, cần khuyến khích, tôn trọng cơ chế giải quyết bằng luật tục thông qua hoà giải ở cơ sở.

5. Vấn đề áp dụng tập quán - luật tục trong thực tiễn hiện nay

Nguyên tắc áp dụng tập quán để giải quyết các vấn đề của cuộc sống đặt ra không chỉ quan niệm là trong các quan hệ

dân sự hay chỉ trong trường hợp thiếu các quy định pháp luật, bồi lẽ, không bao giờ có đầy đủ các quy định pháp luật và bồi lẽ, nhiều quy định tập quán lại phù hợp cuộc sống đã được trải nghiệm, kiểm nghiệm và vận dụng từ bao đời nay. Trong thực tiễn đang nổi lên những vấn đề chưa có lời giải đáp thống nhất trong việc “áp dụng tập quán” chỉ khoanh vùng riêng trong lĩnh vực giải quyết các quan hệ dân sự - hôn nhân và gia đình ở các địa phương có đồng bào dân tộc. Qua kết quả khảo sát ở một số tỉnh miền núi thường xuyên có áp dụng tập quán cho thấy có đến một nửa số bản án, quyết định viện dẫn tập quán để giải quyết tranh chấp không được Viện kiểm sát, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Các câu hỏi được đặt ra, như: làm thế nào để xác định tập quán, nhất là trong trường hợp tập quán chỉ là thói quen ứng xử không thành văn? Nghĩa vụ xác định tập quán để áp dụng là của Tòa án hay của đương sự, vai trò của trưởng bản, già làng cần được phát huy như thế nào, có cần sử dụng tư vấn của các nhà xã hội học không? Áp dụng tập quán nào? Phải chăng là cần áp dụng tập quán nơi xảy ra tranh chấp hay nơi xác lập giao dịch dân sự? V.v... Đây quả là vấn đề khó, không chỉ là công việc của các nhà làm luật hay thực thi pháp luật mà là công việc của cả giới khoa học, quản lý. Cần khảo sát, nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật, xây dựng, phát triển nông thôn miền núi... mới có thể từng bước tháo gỡ những vướng mắc nêu trên và có sự hướng dẫn vận dụng thống nhất, đảm bảo những nguyên tắc chung và đặc thù của vùng miền.

Cuộc sống đang từng ngày thay đổi, xây dựng và phát triển nông thôn ở các tỉnh Tây Nguyên đang là mối quan tâm của nhà nước, xã hội và từng người dân. Cùng với pháp luật nhà nước, các giá trị tiến bộ, các quy định hợp lý của Luật tục đang được phát huy tác dụng. Việc khuyến khích và tạo điều kiện để đồng bào vận

dụng Luật tục truyền thống trong việc quản lý cộng đồng, bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái sẽ mang lại hiệu quả to lớn và cũng là trách của các thiết chế trong hệ thống chính trị và của từng người dân trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Hà Nội, NXB Chính trị Quốc gia, 1996.
2. *Môngteskiơ - Tinh thần pháp luật*, (bản dịch của Trần Thanh Đạm), NXB Giáo dục, 1985.
3. Tập thể tác giả, *Luật tục Ê Đê*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
4. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), Viện nghiên cứu văn hoá dân gian, *Luật tục M' Nông*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1998.